TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Vân.**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 538/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hồ Văn L,** sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp TS, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Bé T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp TS, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Văn L trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Bé T cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp, thường hay cải vả dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bé T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Bé T có 02 con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 09/6/2001 đã trưởng thành và Hồ Văn Q, sinh ngày 14/6/2008, hiện cháu Q đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị Trần Thị Bé T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Trần Thị Bé T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên chị Trần Thị Bé T không cung cấp ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Hồ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồ Văn L, chị Trần Thị Bé T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn L, xét thấy:

- Về hôn nhân: Anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T cưới nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Hồ Văn L trình bày, sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp, thường hay cải vả dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Bị đơn chị Trần Thị Bé T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Hồ Văn L, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy chị Trần Thị Bé T không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau". Thế nhưng giữa anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không chung sống với nhau đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Hồ Văn L yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bé T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T có 02 con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 09/6/2001 và Hồ Văn Q, sinh ngày 14/6/2008. Đối với Hồ Thị Ngọc H đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con Hồ Văn Q đang sống với anh L. Khi ly hôn anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q.

Xét thấy, từ lúc anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T sống ly thân, cháu Quy sống chung với anh L, được anh L chăm sóc tốt, cháu Q đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Khi ly hôn vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn L.

1. Về hôn nhân: Anh Hồ Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Bé T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Văn Q, sinh ngày 14/6/2008 cho anh Hồ Văn L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Bé T được quyền đến đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Hồ Văn L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Hồ Văn L đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0018167 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Văn L và chị Trần Thị Bé T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã lý)

Trần Văn Nhơn